TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT
Ngày: 16-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: *"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 804/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Quỹ đầu tư phát triển thành phố C.

Địa chỉ: Số B đường L, Phường H, thành phố Cần Thơ.

** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Thành Vĩnh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số B C, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là số B C, phường V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Phạm Thu T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số C N, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là số C N, phường V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Hợp tác xã C1. Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã X, thành phố Cần Thơ.

* *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Văn D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thu N, sinh năm 1957. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu N: Ông Phan Minh S, sinh năm 1970. Địa chỉ C đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1958. (Vắng mặt).

3. Bà Lê Mỹ L (Lê Thị Mỹ L), sinh năm 1986. (Vắng mặt).

4. Ông Lê Phước L1, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu V Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang nay là Khu vực Bình Thạnh B, phường L, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 3, phường L, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

6. Bà Phạm Thùy L2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã X, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

7. Ông Đặng Nguyễn Nhựt Hoài C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là ấp G, xã H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

8. Bà Trương Thị Ngọc N2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực 3, phường L, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

9. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã X, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Hợp tác xã C1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L, bà Lê Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Năm 2019 Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang và Hợp tác xã C1 (gọi tắt là Hợp tác xC1) đã ký kết hợp đồng vay vốn với nhau. Theo Hợp đồng tín dụng cho vay đầu tư số 04/2019/HĐCVĐT-ĐTPT ngày 22/11/2019. Qua đó Quỹ Đầu tư cho Hợp tác xã vay vốn để đầu tư Dự án xây dựng trại chăn nuôi heo thịt số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng), thời hạn cho vay 72 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi vay: 06 tháng, lãi suất nợ trong hạn: 6.9%/năm, lãi suất nợ quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay Hợp tác xã và Quỹ đầu tư đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ ba) số 05/2019/HĐTC-QSDĐ-ĐTPT ngày 22/11/2019, 03 (ba) quyền sử dụng đất được thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất số H 036980, số vào sổ cấp GCN 000163 thuộc thửa 344 + 345 + 350, tờ bản đồ số 01, diện tích 7550m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/1996 đứng tên hộ bà Lê Thu N. Quyền sử dụng đất số CT225392, số vào sổ cấp GCN CS06986 thuộc thửa 1522, tờ bản đồ số 01, diện tích 8405,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1. Quyền sử dụng đất số CT225393, số vào sổ cấp GCN CS06987 thuộc thửa 1523, tờ bản đồ số 01, diện tích 8480,7m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, đến ngày 16/9/2022, Hợp tác xã đã thanh toán cho Q đầu tư tổng số nợ gốc là 2.548.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu đồng). Số dư nợ gốc còn lại là 4.452.000.000 đồng (bốn tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng).

Ngày 14/9/2022, Hợp tác xã có văn bản gửi đến Quỹ đầu tư, đề nghị xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ gốc và lãi vay đến kỳ trả nợ vào ngày 16/9/2022, số tiền là 804.326.904 đồng (trong đó: nợ gốc 637.000.000 đồng, lãi vay 167.326.904 đồng). Qua xem xét, ngày 27/9/2022 Quỹ đầu tư đã thống nhất lập thủ tục cho Hợp tác xã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Cụ thể: Khoản nợ gốc và lãi vay đến hạn trả nợ vào ngày 16/9/2022 được cơ cấu làm 2 lần trả nợ (lần 1 trả nợ ngày 30/01/2023, số tiền là 400.000.000 đồng; lần 2 trả nợ ngày 16/9/2023, số tiền là 404.326.904 đồng). Khoản nợ gốc và lãi đến hạn vào ngày 16/3/2023 được điều chỉnh trả nợ vào ngày 30/01/2023, các kỳ hạn trả nợ còn lại không thay đổi.

Qua đó, sau khi cơ cấu lại thời gian trả nợ thì Q đầu tư đã trả lại cho Hợp tác xã 02 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số CT225392, số vào sổ cấp GCN CS06986 thuộc thửa 1522, tờ bản đồ số 01, diện tích 8405,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1. Quyền sử dụng đất số CT225393, số vào sổ cấp GCN CS06987 thuộc thửa 1523, tờ bản đồ số 01, diện tích 8480,7m² do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1. Chỉ còn giữ lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số H 036980, số vào sổ cấp GCN 000163 thuộc thửa 344 + 345 + 350, tờ bản đồ số 01, diện tích 7550m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/1996 đứng tên hộ bà Lê Thu N.

Đến kỳ hạn trả nợ ngày 30/01/2023, Hợp tác xã phải thanh toán cho Q đầu tư tổng số tiền là 1.151.459.090 đồng (trong đó: nợ gốc là 637.000.000 đồng, lãi là 114.459.090 đồng, nợ được cơ cấu phải trả (lần 1) là 400.000.000 đồng). Tuy nhiên, Hợp tác xã đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Quỹ đầu tư đã thực hiện chuyển nợ quá hạn và phân loại toàn bộ dư nợ gốc của Hợp tác xã vào nợ nhóm 5 kể từ ngày 01/5/2023 theo quy định.

Đến các kỳ hạn trả nợ: Ngày 16/9/2023, ngày 16/3/2024, ngày 16/9/2024, Hợp tác xã vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nhưng từ tháng

9/2023 đến tháng 10/2024, Hợp tác xã có trả được cho Q đầu tư tổng số tiền là 550.000.000 đồng (cụ thể: ngày 22/9/2023 trả 50.000.000 đồng, ngày 17/4/2024 trả 300.000.000 đồng và ngày 24/10/2024 trả 200.000.000 đồng). Đến ngày 15/11/2024, số dư nợ gốc còn lại phải trả của Hợp tác xã là 3.902.000.000 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 2.635.000.000 đồng).

Do Hợp tác xã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nên Quỹ Đầu tư khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trong đó có nợ gốc, lãi vay quá hạn và nợ gốc, lãi vay chưa đến hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/6/2025 tổng cộng là: 5.139.244.500 đồng (năm tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Trong đó:

- Đối với nợ gốc, lãi trong kỳ hạn của kỳ trả nợ ngày 16/9/2025 là 630.000.000 đồng và lãi trong hạn là 10.242.247 đồng.

- Đối với nợ gốc, lãi vay quá hạn là 3.272.000.000 đồng và lãi quá hạn là theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 10/6/2025 còn dư nợ gốc là 3.902.000.000 đồng và các khoản nợ lãi quá hạn là 1.227.002.253 đồng.

Trường hợp Hợp tác xã không thực hiện thanh toán khoản nợ vay nêu trên, Quỹ Đầu tư yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số H 036980, số vào sổ cấp GCN 000163 thuộc thửa 344 + 345 + 350, tờ bản đồ số 01, diện tích 7550 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/1996 đứng tên hộ bà Lê Thu N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ ba) số 05/2019/HĐTC-QSDĐ-ĐTPT ngày 22/11/2019 để thu hồi nợ vay theo quy định.

** Bị đơn có ông Lê Văn D đại diện trình bày:* Vào năm 2019, Hợp tác xã C1 do ông D làm Chủ tịch Hội đồng quản trị có ký hợp đồng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang để phục vụ đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo thịt, theo hợp đồng đã ký kết Hợp tác xã có vay số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Để đảm bảo các khoản vay thì Hợp tác xã có thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau: Quyền sử dụng đất số H 036980, số vào sổ cấp GCN 000163 thuộc thửa 344 + 345 + 350, tờ bản đồ số 01, diện tích 7550m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/1996 đứng tên Hộ bà Lê Thu N. Quyền sử dụng đất số CT225392, số vào sổ cấp GCN CS06986 thuộc thửa 1522, tờ bản đồ số 01, diện tích 8405,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1. Quyền sử dụng đất số CT225393, số vào sổ cấp GCN CS06987 thuộc thửa 1523, tờ bản đồ số 01, diện tích 8480,7m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì Hợp tác xã đã thanh toán một phần vốn gốc và lãi với số tiền hơn 03 tỷ đồng, dư nợ gốc còn lại khoảng 3,9 tỷ đồng và lãi phát sinh, sau khi trả được một phần vốn thì Hợp tác xã có rút lại 02 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số CT225392, số vào sổ cấp GCN CS06986 thuộc thửa 1522, tờ bản đồ số 01, diện tích 8405,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1 và Quyền sử dụng đất số CT225393, số vào sổ cấp GCN CS06987 thuộc thửa 1523, tờ bản đồ số 01,

diện tích 8480,7m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/01/2020 đứng tên Hợp tác xã C1. Hiện tại chỉ còn thế chấp Quyền sử dụng đất số H036980, số vào sổ cấp GCN 000163 của hộ bà Lê Thu N. Do điều kiện làm ăn khó khăn nên Hợp tác xã xin được cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ và có xin gia hạn trả dần số tiền còn nợ nhưng Quỹ đầu tư không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Hợp tác xã hiện đang gặp khó khăn và đã làm thủ tục xin giải thể Hợp tác xã nhưng vẫn chưa có Quyết định giải thể.

Nay, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang khởi kiện Hợp tác xã để yêu cầu trả nợ đã vay và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp có liên quan đến gia đình bà N và ông N1 thì ông D đồng ý trả các khoản tiền vay còn nợ theo hợp đồng đã ký vốn còn lại là 3.902.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm lẻ hai triệu đồng). Nhưng xin không trả lãi và xin được trả dần theo các kỳ xuất bán heo thịt 6 tháng 01 lần, vì hiện tại Hợp tác xã hoạt động rất khó khăn và xin không xử lý tài sản thế chấp.

** ông Nguyễn Trí N3 (gọi tắt là ông N3) trình bày: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N1 trình bày:* Vào năm 2019, Hợp tác xã C1 do ông Lê Văn D làm chủ tịch Hội đồng quản trị có ký hợp đồng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang để phục vụ công tác Chăn nuôi heo của ông Lê Văn D. Để đảm bảo các khoản vay thì ông D có thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông D tại xã T và có mượn một quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn N1 (do ông N1 và ông D là anh em ruột). Ông N1 và vợ là bà Lê Thu N đã đồng ý cho ông D mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H036980 cấp ngày 23/11/1996 do hộ Lê Thu N đứng tên, gồm các thửa 344, 345, 350 đất toạ lạc tại Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang để thế chấp đảm bảo cho khoản vay này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì Hợp tác xã và ông N1 đã thanh toán một phần vốn gốc và lãi cho Q đầu tư với số tiền hơn 03 tỷ đồng, dư nợ gốc còn lại khoảng hơn 3,9 tỷ đồng và lãi phát sinh. Do điều kiện làm ăn khó khăn nên Hợp tác xã xin gia hạn, hứa hẹn trả dần nhưng Q đầu tư không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay, Quỹ đầu tư khởi kiện Hợp tác xã yêu cầu Hợp tác xã trả nợ đã vay và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp có liên quan đến gia đình ông N1 thì ông N1 không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông N1 sẽ vận động Hợp tác xã để sớm trả các khoản tiền vay còn nợ cho Quỹ đầu tư và cũng yêu cầu Q đầu tư tạo điều kiện để Hợp tác xã trả dần theo chu kỳ bán heo của Hợp tác xã. Trường hợp không còn khả năng trả nợ thì ông N1 đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tuy nhiên ông N1 yêu cầu được ưu tiên cho gia đình ông N1 khi xử lý tài sản thế chấp.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2025, đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 299; khoản 6 Điều 320; Điều 465; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 91; Điều 92; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang đối với bị đơn Hợp tác xã C1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Hợp tác xã C1 phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang tổng số tiền nợ gốc và lãi là 5.139.244.500 đồng (năm tỷ một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng). Trong đó: Vốn gốc là 3.902.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm lẻ hai triệu đồng), lãi đối với nợ gốc trong kỳ hạn là 10.242.247 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), lãi đối với nợ gốc quá hạn là 1.227.002.253 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2025) Hợp tác xã C1 phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 04/2019/HĐTD, ngày 18/11/2019.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Hợp tác xã C1, không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang, thì Quỹ đầu tư phát triển tỉnh H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp số 05/2019/HĐTC đã ký ngày 22/11/2019. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Hợp tác xã C1 còn phải tiếp tục trả các khoản còn nợ cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 30/6/2025, bị đơn Hợp tác xã C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng không tính lãi, tạo điều kiện được trả vốn và không xử lý đối với tài sản thế chấp của bà Lê Thu N.

* Ngày 30/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm vì bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia vụ kiện.

* Ngày 30/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Mỹ L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm vì bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia vụ kiện.

* Ngày 30/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm vì ông không nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia vụ kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Mỹ L và những người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu N giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Mỹ L có kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Lê Văn D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã C1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L (Lê Mỹ L) được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người kháng cáo không có mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự nên coi như bị đơn Hợp tác xã C1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L (Lê Mỹ L) từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào các Điều 289, 295, khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã C1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L (Lê Mỹ L).

[2]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo

trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[3]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N. Thấy rằng tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tống đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án"*. Như vậy, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đã tống đạt tất cả các văn bản tố tụng cho người nhận là ông Lê Văn N1 là chồng của bà Lê Thu N, là cha ruột của bà Lê Mỹ L (Lê Thị Mỹ L) và ông Lê Phước L1 có cùng nơi cư trú với nhau và ông N1 có cam kết là giao lại cho bà N, ông L1 và bà L và hiện nay ông N1 và bà N vẫn còn là vợ chồng, cùng sống chung với nhau, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[5]. Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu N thấy rằng tại thời điểm năm 2019, trước khi nguyên đơn và bị đơn lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ ba) số 05/2019/HĐTC-QSDĐ-ĐTPT ngày 22/11/2019, để thế chấp quyền sử dụng đất số H 036980, số vào sổ cấp GCN 000163 thuộc thửa 344 + 345 + 350, tờ bản đồ số 01, diện tích 7550m^2 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/1996 đứng tên hộ bà Lê Thu N thì bà N, ông L1 và bà L có ký giấy ủy quyền cho ông Lê Văn N1 được toàn quyền quyết định đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên về mọi vấn đề quan hệ giao dịch và có xác nhận Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 07/11/2019. Ngoài ra, bà N cũng có đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B là phần đất trên không có tranh chấp. Như vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ ba) số 05/2019/HĐTC-QSDĐ-ĐTPT ngày 22/11/2019 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp tác xã C1 tại hợp đồng tín dụng, khi các bên tiến hành ký kết hợp đồng thế chấp đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên các hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn hợp pháp, có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, khoản 2 Điều 119, khoản 1 Điều 335 của Bộ luật Dân sự 2015. Xét về lỗi thì bị đơn là bên có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay bị đơn yêu cầu không tính lãi, tạo điều kiện được trả vốn và không xử lý đối với tài sản thế chấp của bà Lê Thu N trong khi nguyên đơn không đồng ý. Như vậy, đây là hành vi kéo dài thời gian trả nợ gây thêm thiệt thòi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N là không có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của bà Lê Thu N không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên bà N sinh năm 1957 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí TòaĐối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1 và bà Lê Thị Mỹ L (Lê Mỹ L), thấy rằng theo mục 2.2 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định án phí phúc thẩm đối với kinh doanh thương mại là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Lê Phước L1 và bà Lê Mỹ L (Lê Thị Mỹ L) chỉ mới nộp tạm ứng 300.000 đồng, do đó ông L1 và bà L phải nộp thêm mỗi người là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 148, Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 1, khoản 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã C1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, bà Lê Thị Mỹ L (Lê Mỹ L).

2. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N về việc hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số

01/2025/KDTM-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà bị đơn Hợp tác xã C1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0010667 ngày 30/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ được sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000026 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được sung vào công quỹ Nhà nước và ông L1 phải nộp thêm 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông bà Lê Thị Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000018 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được sung vào công quỹ Nhà nước và bà L phải nộp thêm 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thu N được miễn án phí theo quy định.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 12 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 12 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định